

# Nâng cao năng lực số cho sinh viên Trường Đại học Kinh tế Nghệ An trong bối cảnh hội nhập hiện nay

Lê Thị Thành Vinh\*

\*ThS. Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

Received: 30/5/2024; Accepted: 03/6/2024; Published: 10/6/2024

**Abstract:** Vietnam is entering a period of digital transformation, with digital technology being applied across almost all fields and industries, impacting and changing all aspects of human life. Digital technology is extensively used in teaching and learning in most educational institutions. Students are also provided with new opportunities thanks to advancements in information and communication technology. Therefore, each student needs to acquire various skills to adapt to the changes of the new era. This article outlines theoretical and practical issues and offers recommendations to enhance digital competence for university students in general and students at Nghe An University of Economics in particular.

**Keywords:** Digital competence, students

## 1. Khái quát chung về năng lực số của sinh viên (SV) trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số

### 1.1. Khái niệm năng lực số

Khái niệm “Năng lực số” (NLS) thường được sử dụng với nhiều tên gọi khác nhau như KN số (KNS), năng lực (NL) thông tin, NL truyền thông, NL kỹ thuật số hay NL học thuật. Khái niệm này lần đầu tiên được nhắc đến trong nghiên cứu của tác giả Gilster, theo đó NLS là “khả năng hiểu và sử dụng thông tin dưới nhiều định dạng khác nhau từ nhiều nguồn khác nhau, hiển thị thông qua máy tính”. Liên Minh Châu Âu định nghĩa “NL công nghệ số là khả năng sử dụng vững vàng và có ý thức các công cụ của xã hội thông tin trong công việc, giải trí và giao tiếp. Điều kiện tiên quyết là khả năng làm chủ các phương tiện CNTT –TT: Sử dụng máy tính để tìm thấy, đánh giá, lưu trữ, tạo lập, giới thiệu và trao đổi thông tin, cũng như để giao tiếp và tham gia các mạng lưới hợp tác thông qua internet (Papi, 2012)”. Theo UNESCO “NLS là khả năng truy cập, quản lý, hiểu, kết hợp, giao tiếp, đánh giá và sáng tạo thông tin một cách an toàn và phù hợp thông qua công nghệ số để phục vụ cho các công việc từ đơn giản đến phức tạp cũng như khởi nghiệp. NLS là tổng hợp của NL sử dụng máy tính, NL công nghệ thông tin, NL thông tin và NL truyền thông”. Như vậy, NLS được định nghĩa dưới các góc độ khác nhau, nhưng tựu trung lại có sự tương đồng lớn trong nội hàm khái niệm, đó là NL sử dụng máy tính, NL công nghệ thông tin và NL truyền thông. Đây được xem là những NL cần thiết đối với giáo dục đại học nói chung và SV Trường Đại học Kinh tế Nghệ An nói

riêng.

### 1.2. Khung năng lực số

NLS có tầm quan trọng đặc biệt trong giáo dục đại học hiện nay. Một số nghiên cứu đề xuất và đánh giá các khung NLS tiêu biểu như khung DigComp của Châu Âu, Khung NLS của UNESCO, khung NLS của Hội đồng Thủ thư Đại hội. Bài viết này đề cập đến khung NLS của Digcomp Châu Âu và khung NLS ở Việt Nam hiện nay.

#### 1.2.1. Khung NLS của Digcom Châu Âu

Khung NLS của Digcom Châu Âu được xem là khung NL cập nhật và toàn diện nhất. Khung NL này gồm 5 thành tố: (1) NL thông tin và dữ liệu; (2) giao tiếp và cộng tác; (3) Sáng tạo nội dung số; (4) An toàn; (5) Giải quyết vấn đề. Trong đó: (1) NL thông tin và dữ liệu được hiểu là khả năng xác định rõ nhu cầu thông tin, tìm kiếm thông tin và tài nguyên trong môi trường số; tổ chức, xử lý, phân tích, diễn giải thông tin; so sánh, đánh giá một cách nghiêm túc về độ tin cậy và nguồn gốc của thông tin; (2) giao tiếp và cộng tác được hiểu là khả năng sử dụng các công nghệ số một cách hiệu quả và có trách nhiệm để giao tiếp, kết nối, cộng tác trong môi trường học thuật và trong cuộc sống; thể hiện bản thân thông qua các phương tiện số; (3) sáng tạo nội dung số là khả năng sửa đổi, tạo nội dung số với các định dạng khác nhau; biết cách tra cứu về bản quyền và giấy phép đối với các nội dung số; và khả năng lập trình; (4) an toàn là khả năng hiểu các rủi ro và mối đe dọa đến sức khỏe thể chất và tinh thần trong môi trường số; các biện pháp an toàn và bảo mật để bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư; hiểu cách sử dụng và

chia sẻ thông tin đảm bảo sự an toàn cho cá nhân và người khác; nhận thức về tác động của công nghệ số đến môi trường, và cách sử dụng công nghệ số an toàn và có trách nhiệm; (5) giải quyết vấn đề là khả năng xác định các vấn đề kỹ thuật và cách giải quyết khi vận hành thiết bị và sử dụng môi trường số; có thể xác định, đánh giá, lựa chọn sử dụng các công nghệ số để giải quyết một nhiệm vụ hoặc vấn đề nhất định theo cách sáng tạo để tạo ra tri thức; biết cách cập nhật NL của bản thân và người khác. Đây là những thành tố quan trọng mà mỗi công dân cần đạt được để kịp thời thích ứng với những thay đổi của thời đại công nghệ số.

### 1.2.2. Khung NL số ở Việt Nam hiện nay

Hiện nay, Việt Nam chưa có khung NLS chung. Khung NLS Việt Nam đang áp dụng được phát triển bởi các doanh nghiệp/tổ chức quốc tế là khung ICDL, IC3, và chuẩn NLS của Microsoft, Digital Literacy Standard Curriculum. Dựa trên các khung NLS quốc tế, nhóm chuyên gia Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội (Trường KHXH & NV, ĐHQGHN) đã đề xuất khung NLS dành cho SV gồm 7 NL cơ bản đó là: (1) Vận hành thiết bị và phần mềm; (2) khai thác thông tin và dữ liệu; (3) giao tiếp và hợp tác trong môi trường số; (4) an toàn và an sinh số; (5) sáng tạo nội dung số; (6) học tập và phát triển KNS; sử dụng NLS cho nghề nghiệp.

### 1.3. Tiêu chí đánh giá NLS

Để có được tiêu chí đánh giá khung NLS, cần xác định được mục đích của việc đánh giá NLS, đối tượng cần đánh giá, khung NLS phù hợp và sử dụng phương pháp tiếp cận đánh giá nào cho khung NLS đó. Ví dụ: Trong khung NLS của Digcomp, các tiêu chí đánh giá khung NLS được thể hiện thông qua thang đo mức độ thành thạo NLS. Cụ thể, các mức độ thành thạo NLS gồm: Cơ bản, trung bình, nâng cao và chuyên gia. Ở mỗi mức độ, có thêm 2 mức độ chi tiết, đánh giá thông qua sự phức tạp của nhiệm vụ, sự tự chủ, và niềm nhận thức. Việc thiết kế công cụ đánh giá NL dựa trên các mức độ thành thạo là phù hợp với đối tượng và mục đích đánh giá trong khung NL của Digcomp. Đây cũng được xem là khung NLS được nhiều cơ sở giáo dục đại học sử dụng và là khung NLS cập nhật và toàn diện nhất hiện nay. Như vậy, cần thiết kế công cụ đánh giá khung NLS gồm nhiều tiêu chí đánh giá khác nhau dựa trên cấu trúc khung NLS đã chọn và phù hợp với đối tượng cần đánh giá. Tiêu chí đánh giá khung

NLS có vai trò quan trọng nhằm đánh giá chính xác về NLS của từng nhóm đối tượng, thông qua đó để phát triển, nâng cao NLS cho các đối tượng đó.

## 2. Một số hạn chế về NLS của SV Trường Đại học Kinh tế Nghệ An hiện nay

*Thứ nhất*, phần lớn SV hiện nay mới chỉ quen với word, excel hay những kiến thức tin học cơ bản. Nhiều SV vận dụng công nghệ số vào việc học vẫn còn lúng túng, chưa có kỹ năng (KN) tìm kiếm nguồn dữ liệu mở để làm các đề tài.

*Thứ hai*, SV Trường Đại học Kinh tế Nghệ An hiện nay vẫn còn yếu về kỹ thuật, KN và văn hóa sử dụng công nghệ. Biểu hiện ở chỗ, đa phần SV chưa tận dụng được lợi thế của công nghệ để tìm kiếm cơ hội nghề nghiệp cho mình. Hiện nay, các công ty lớn đều thể hiện thông tin của mình trên không gian mạng, chẳng hạn như thông tin tuyển dụng, chiến lược, mục tiêu phát triển của công ty đó. SV cần nắm bắt được yêu cầu, mong muốn và chứng tỏ bản thân đáp ứng được các điều kiện mà doanh nghiệp cần tìm kiếm, từ đó trau dồi KN, kiến thức cho bản thân. Bên cạnh đó, cách thức thể hiện trên không gian mạng của nhiều SV thời gian qua vẫn chưa tốt.

*Thứ ba*, nhà trường, khoa chưa có chương trình đào tạo phù hợp về NLS. Hiện nay, nhà trường, khoa chưa có chương trình đào tạo phù hợp về KNS. Các kiến thức đưa vào giảng dạy chủ yếu là kiến thức tin học văn phòng cơ bản. Cần đưa kiến thức NLS vào giảng dạy với nhiều cấp độ tiếp cận khác nhau, có khung NLS và tiêu chí đánh giá cụ thể.

*Thứ tư*, khung NLS có quá nhiều thành tố, điều này khiến SV còn mơ hồ trong việc tiếp cận. Khi nhắc đến NLS, SV thường cho rằng chỉ cần thành thạo word, excel là đủ. Tuy nhiên, trong bối cảnh tự động hóa và chuyển đổi số đang diễn ra rất nhanh không chỉ ở VN mà còn trên toàn cầu, những loại công việc mà SV sau khi ra trường có thể tìm kiếm và tiếp cận đang thay đổi. Do đó, SV cần phải luôn học hỏi, luôn trang bị những KN mới.

*Thứ năm*, SV Trường Đại học Kinh tế Nghệ An nhìn chung chưa thực sự quan tâm đến nhu cầu được đào tạo KNS. Hiện nay, có khá nhiều kênh để SV lựa chọn học tập trau dồi thêm kiến thức về KNS. Chẳng hạn nền tảng học tập trực tuyến công dân số (congdanso.edu.vn) và tài liệu hướng dẫn về chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp là những website, tài liệu hữu ích để học tập KNS. Tại đây, SV có thể được học tập, cấp chứng chỉ, tiếp cận tài liệu hướng dẫn, hay thậm chí học được thêm cả nhiều KN khác

nư KN mềm, KN xin việc, khởi nghiệp,... Đây được xem là những KN đặc biệt quan trọng để người lao động và SV có thể tham gia vào thị trường lao động, trang bị cho mình những kiến thức, KN cơ bản để có được việc làm có thu nhập tốt trong tương lai. Hay thậm chí trên nhiều trang web, kênh youtube,... đều có hướng dẫn đến các kiến thức về KNS. Tuy nhiên, nhiều SV chưa thực sự quan tâm, chủ động học tập những kiến thức về KNS. Điều này dẫn đến phần lớn SV còn yếu về kỹ thuật, KN và văn hóa sử dụng công nghệ.

### 3. Một số giải pháp nâng cao NLS cho SV Trường Đại học Kinh tế Nghệ An trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số

*Thứ nhất*, cần đưa NLS vào giảng dạy trong chương trình đào tạo của nhà trường. NLS đưa vào giảng dạy với nhiều cấp độ tiếp cận khác nhau, có khung NLS và tiêu chí đánh giá cụ thể. Có thể tham khảo khung NLS cho SV gồm 7 nhóm NL với 26 tiêu chuẩn của Trường KHXH & NV, ĐHQGHN. Trong đó, 7 nhóm NL SV cần có là: (1) Vận hành thiết bị và phần mềm; (2) khai thác thông tin và dữ liệu; (3) giao tiếp và hợp tác trong môi trường số; (4) an toàn và an sinh số; (5) sáng tạo nội dung số; (6) học tập và phát triển KNS; sử dụng NLS cho nghề nghiệp.

*Thứ hai*, trong quá trình giảng dạy, cần cập nhật thêm nội dung liên quan đến NLS cho SV. Trong các bài giảng, bên cạnh việc củng cố kiến thức lý thuyết với những phương pháp thủ công, giảng viên có thể cung cấp thêm cách sử dụng NL kỹ thuật số cho các phương pháp đó để đạt hiệu quả cao hơn. Giảng viên cần thiết phải lên kế hoạch việc dạy học lồng ghép với việc khuyến khích SV sử dụng KNS trong học tập để có thể lĩnh hội bài giảng tốt hơn.

*Thứ ba*, cần nâng cao trình độ NLS cho đội ngũ giảng viên của nhà trường. Giảng viên cần phát triển NLS để có đủ kiến thức, KN và nhận thức, phục vụ hoạt động nghiên cứu và giảng dạy một cách sáng tạo và linh hoạt. Về phía giảng viên, giảng viên có thể tham gia các khóa học trực tuyến về NLS để nâng cao NL học tập và phát triển NLS của bản thân. Về phía nhà trường, cần tăng cường tổ chức các khóa đào tạo về NLS do các chuyên gia đầu ngành giảng dạy. Nhà trường cũng nên tổ chức các buổi dạy lồng ghép KNS với thực hành ở trong lớp học.

*Thứ tư*, các nguồn tài nguyên KNS hiện nay rất đa dạng, có thể trên sách, báo, tivi, mạng internet...

SV cần chủ động lựa chọn nguồn tài nguyên để học tập một cách phù hợp. SV biết cách sử dụng các công cụ tra cứu, hoặc khám phá cách quản lý thời gian và các công việc trực tuyến như sử dụng các ứng dụng Trello, google calendar để tạo lịch làm việc hiệu quả và theo dõi tiến độ công việc. SV cần chủ động tìm kiếm các lớp học trực tuyến để trau dồi kiến thức chuyên môn cũng như nâng cao NLS cho bản thân.

*Thứ năm*, SV cũng cần nâng cao kiến thức về ngoại ngữ. Nâng cao kiến thức ngoại ngữ là một yếu tố quan trọng nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, bởi vì hầu hết kiến thức và tài liệu CNTT – TT và số hóa thường được xuất bản và chia sẻ bằng tiếng Anh. Tiếng Anh thường là ngôn ngữ quốc tế trong lĩnh vực CNTT và số hóa. SV cần nâng cao KN tiếng Anh cũng như các ngôn ngữ kỹ thuật phổ biến khác để kịp thời nắm bắt sự thay đổi về công nghệ.

### 4. Kết luận

Nâng cao NLS cho SV nói chung, SV Trường Đại học Kinh tế Nghệ An nói riêng là một phần quan trọng để chuẩn bị cho tương lai trong bối cảnh xã hội ngày càng phát triển và phụ thuộc vào công nghệ số. Đây là bước đi cần thiết cho nền giáo dục Việt Nam, từ đó giúp SV mở rộng thêm cơ hội nghề nghiệp, trau dồi được thêm kiến thức, KN cho bản thân.

### Tài liệu tham khảo

[1]. Đại Nguyễn Tấn, Pascal Marquet (2021), *NLS công nghệ số đáp ứng nhu cầu xã hội: Các mô hình quốc tế và hướng tiếp cận tại Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Xã hội TP. HCM, số 7, tr.23-39

[2]. Đỗ Văn Hùng, Trần Đức Hòa, Nguyễn Thị Kim Dung, Bùi Thanh Thủy, Nguyễn Thị Kim Lan, Đào Minh Quân, Đồng Đức Hùng, Bùi Thị Anh Tuyết, Bùi Thị Thanh Huyền, Trần Thị Thanh Vân, Trịnh Khánh Vân, (2022), *Khung NL số dành cho SV*, Trường KHXH & NV, ĐHQGHN, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội

[3]. Mai Anh Thơ, Đỗ Văn Hùng (2023), *Đánh giá NL số SV: Phương pháp tiếp cận, công cụ và tiêu chí đánh giá*, Tạp chí Thông tin và tư liệu – 1/2023.

[4]. Ninh Thị Kim Thoa, (2022), *Khảo sát thực trạng NL số của giảng viên các ngành Khoa học xã hội và Nhân văn*, Tạp chí Thông tin và tư liệu - 01/2022.

[5]. UNESCO, (2018), *A Global Framework of Reference on Digital Literacy*, In Information Paper (Vol. 51, Issue 51, pp. 6) 152